

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai điều chỉnh giảm kinh phí chi thường xuyên
năm 2024**

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN MƯỜNG LA

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Sơn La Ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2024; Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Sơn La Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 515/QĐ-CCKL ngày 31/12/2023 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Chi cục Kiểm lâm Chương 412, Loại 280, khoản 282; Quyết định số 454/QĐ-CCKL ngày 10/10/2024 của Chi cục Kiểm lâm về việc giao dự toán kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ cho các đơn vị trực thuộc Chi cục Kiểm lâm; Quyết định số 517/QĐ-CCKL ngày 14/11/2024 về việc điều chỉnh tăng, giảm kinh phí thực hiện tự chủ; kinh phí cải cách tiền lương cho các đơn vị trực thuộc Chi cục Kiểm lâm năm 2024;

Theo đề nghị của bộ phận kế toán, BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Mường La.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai công bố công khai điều chỉnh giảm kinh phí thường xuyên năm 2024

(Có biểu đính kèm).

Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở, Bản Ít, xã Nậm Păm, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Mường La, địa chỉ: <https://kbttmuongla.sonla.gov.vn/>

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán và các cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Anh

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số ngày tháng năm của Bộ Tài chính
 Đơn vị: Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Mường La
 Chương: 412

**CÔNG BỐ CÔNG KHAI DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN
 NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số: 180/QĐ-BQL ngày 25/11/2024 của Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Mường La)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao (điều chỉnh giảm trong năm 2024)
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-
I	Nguồn ngân sách trong nước	-
1	Chi quản lý hành chính	33.067.582
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	33.067.582
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao (điều chỉnh giảm trong năm 2024)
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao (điều chỉnh giảm trong năm 2024)
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
IV	Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững	-